

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2020/DS-PT**

Ngày 04/8/2020

V/v: *Tranh chấp HĐ vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Hùng.

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thu Hương.

Bà Nguyễn Thị Chinh.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Hà. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2020/TLPT-DS ngày 29/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 của Toà án nhân dân huyện Tr.S. bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2020/QĐ-PT ngày 16/7/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trịnh Huy Tr., sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: SN... T.S., thị trấn Tr.S., huyện Tr.S., tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Ông Lê Công Th., sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn..., xã Th.S, huyện Tr.S., tỉnh Thanh Hóa

\* Do có kháng cáo của bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*1. Theo nguyên đơn, ông Trịnh Huy Tr. trình bày:*

Ngày 1/5/2019 ông Tr. cho ông Lê Công Th. vay 2 lần với tổng số tiền là 1.090.000.000đ để đảo nợ ngân hàng. Lần thứ nhất vào sáng ngày 1/5/2019 vay số tiền là 490.000.000đ thời hạn vay là 1 tháng; Lần thứ hai vào chiều ngày 1/5/2019 vay số tiền là 600.000.000đ thời hạn vay là 1 tháng.

Đến hạn trả nợ ông Tr. đã đòi nhiều lần nhưng ông Th. vẫn không trả. Nay ông Tr. khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Công Th. phải trả cho ông số tiền nợ cụ thể như sau: Nợ gốc; 1.090.000.000đ; Lãi tạm tính đến ngày nộp đơn là 7 tháng x 1%/tháng = 70.630.000đ; Tổng cộng gốc + lãi = 1.160.630.000đ.

Việc ông Th. cho rằng đã trả cho ông 1.090.000.000đ và ông đã hủy giấy vay nợ bản gốc trước mặt ông Th. là không đúng và không có cơ sở, vì bản thân ông Th. là giám đốc một doanh nghiệp không có chuyện thanh toán mà các bên không có giấy tờ ký nhận. Giấy vay nợ gốc trước đây Công an huyện Tr.S. có thu giữ của ông nhưng nay đã trả lại và ông đã giao nộp cho Tòa án.

Đối với khoản nợ 1.020.000.000đ ông Th. Tr. bày là khoản nợ khác có giấy vay tiền riêng, ông đã khởi kiện ông Th. tại Tòa án Tr.S. bằng một vụ án khác và không liên quan đến khoản tiền 1.090.000.000đ ông khởi kiện trong vụ án này.

## *2. Theo bị đơn, anh Lê Công Th. Tr. bày:*

Ông có làm ăn cùng ông Tr., trong quá Tr. làm ăn có vay của ông Tr. nhiều lần. Tổng số tiền cộng dồn tính đến ngày 1/5/2019, hai bên có viết giấy vay nợ, 01 giấy 600.000.000đ và một giấy 490.000.000đ, có chữ ký của người vay và người cho vay và chữ ký người vay trong hai giấy này là chữ ký của anh. Tổng cộng số tiền theo hai giấy vay là 1.090.000.000đ. Số nợ này ông đã trả cho ông Tr. làm nhiều lần, do mỗi lần chỉ trả 100.000.000đ đến 200.000.000đ và ông Tr. nhận tiền ngay sau khi ông Th. vừa rút tiền trong Ngân hàng ra tại Cổng Ngân hàng nên hai bên không có giấy tờ ký nhận và cũng không có người làm chứng cho việc giao nhận tiền, nhưng đến nay tổng số nợ 1.090.000.000đ đã trả hết, ông không còn nợ ông Tr. đối với hai giấy vay tiền này.

Do đã trả hết nợ nên ông Tr. đã hủy giấy tờ gốc trước mặt ông và 15 người làm chứng do anh Tr. thuê lên để đòi nợ ông tại quán cà phê Tâm Tình tại phố Giắt, thị trấn Tr.S. và hai bên đã chốt nợ ông chỉ còn nợ lại anh Tr. số tiền là 1.020.000.000đ

Do đã trả cho ông Tr. số tiền theo hai giấy vay tiền ngày 1/5/2019 với tổng số tiền là 1.090.000.000đ nên ông không đồng ý trả số nợ trên cho anh Tr..

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr.S. đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Huy Tr.. Buộc anh Lê Công Th. phải trả cho anh Trịnh Huy Tr. số tiền nợ gốc 1.090.000.000đ, lãi suất = 126.803.000đ. Tổng cộng gốc + lãi = 1.216.803.000đ.

Kể từ khi anh Trịnh Huy Tr. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Công Th. còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Lê Công Th. phải chịu 48.504.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Trịnh Huy Tr. 23.409.450đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003799 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr.S..

- Án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Sau khi xét xử, ông Lê Công Th. làm đơn kháng cáo không đề ngày, tháng, nhưng theo biên bản giao nhận vào ngày 02/6/2020 với nội dung: Khoản nợ 1.090.000.000đ ông đã trả hết cho ông Tr., chỉ còn nợ lại 1.020.000đ ở khoản vay khác. Nên ông không đồng ý với bản án sơ thẩm đã xét xử.

\* **Tại phiên tòa phúc thẩm:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã Tr. bày tại cấp sơ thẩm.
- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của bị đơn; Ông Lê Công Th. kháng cáo nhưng không có căn cứ nào mới so với cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá. Xét thấy cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn và buộc ông Th. phải trả khoản nợ 1.090.000.000đ và tiền lãi là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Th., giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 của TAND huyện Tr.S.. Ông Th. phải chịu án phí phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo Tr. tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo:

- *Về khoản nợ gốc:* Ngày 01/5/2019 ông Trịnh Huy Tr. cho ông Lê Công Th. vay 2 lần với 2 giấy vay nợ gồm 01 giấy vay 490.000.000đ, 01 giấy vay 600.000.000đ, tổng số tiền theo 2 giấy vay là 1.090.000đ. Hai bên có viết giấy vay tiền, ghi cụ thể thời gian vay, số tiền vay và thời hạn trả, có chữ ký của người vay và người cho vay. Các bên đều công nhận giấy 02 giấy vay tiền này là đúng thực tế.

Ông Tr. cho rằng, đến hạn ông Th. không thanh toán được số tiền nợ nên ông khởi kiện yêu cầu ông Th. trả số tiền nợ theo thỏa thuận. Ông Th. cho rằng số nợ trên ông đã trả cho ông Tr. làm nhiều lần, mỗi lần từ 100.000.000đ đến 200.000.000đ, ông Tr. là người trực tiếp nhận tiền ngay sau khi ông Th. vừa rút tiền trong Ngân hàng ra tại quán cà phê T.T ở thị trấn Giắt nên hai bên không viết giấy tờ ký nhận. Đến nay tổng số nợ 1.090.000.000đ ông Th. đã trả hết nên ông Tr. đã hủy giấy vay tiền bản gốc trước mặt ông, còn tại sao ông Tr. vẫn còn giấy tờ vay tiền bản gốc thì ông không biết nên ông không đồng ý trả nợ.

Quá Trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm: Tòa án đã yêu cầu anh Th. (bị đơn) cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông đã thanh toán tiền cho ông Tr. theo như trình bày nhưng vẫn không cung cấp được.

Ông Tr. xuất trình 02 giấy vay tiền vào ngày 01/5/2019 với tổng số tiền 1.090.000đ có chữ ký của người cho vay và người vay là có căn cứ. Ông Th. trình bày là đã trả mỗi lần từ 100.000.000đ đến 200.000.000đ và ông Tr. nhận tiền ngay sau khi ông Th. vừa rút tiền trong Ngân hàng ra nên hai bên không có giấy tờ ký nhận và cũng không có người làm chứng cho việc giao nhận tiền, ông Tr. không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Do đó cấp sơ thẩm buộc ông Th. phải trả cho ông Tr. số tiền nợ gốc 1.090.000.000đ theo giấy vay nợ ngày 01/5/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Về lãi suất*: Căn cứ vào giấy vay tiền, các bên thỏa thuận với nhau thời hạn vay là 1 tháng, không thể hiện lãi suất. Do đó căn cứ để tính lãi suất đối với khoản vay kể từ ngày bên vay không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán là 01/6/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 19 ngày là đúng theo thỏa thuận.

Về mức lãi suất ông Tr. yêu cầu ông Th. phải trả 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, buộc ông Th. phải trả số tiền lãi cụ thể:  $1.090.000.000đ \times 1\%/tháng \times 11\text{ tháng } 19\text{ ngày} = 126.803.000đ$

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th. kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài việc trình bày như ở cấp sơ thẩm. Xét thấy cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ông Tr. và buộc ông Th. phải trả khoản nợ 1.090.000.000đ và tiền lãi là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Th. (bị đơn), giữ nguyên quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số 06/2020/DSST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr.S..

[3]. Án phí phúc thẩm: Ông Th. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo không được chấp nhận theo quy định của pháp luật..

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Công Th., giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tr.S..

2. Áp dụng: - Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

### **\* Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Huy Tr..

Buộc ông Lê Công Th. phải trả cho ông Trịnh Huy Tr. số tiền, gồm:

Nợ gốc theo 02 giấy vay ngày 01/5/2019 là **1.090.000.000** đồng;

Tiền lãi vay từ 01/6/2019 đến 19/5/2020 là **126.803.000** đồng.

Tổng cộng gốc và lãi phải trả là: **1.216.803.000** đồng (*Một tỷ, hai trăm mười sáu triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Trịnh Huy Tr. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Công Th. còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí sơ thẩm: Ông Lê Công Th. phải nộp 48.504.000đ (*Bốn mươi tám triệu, năm trăm lẻ bốn nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Trịnh Huy Tr. không phải chịu án phí giá ngạch nên được trả lại 23.409.450đ (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003799 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr.S..

3. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Công Th. phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004045 ngày 18/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.S..

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Tr.S.;
- Chi cục THADS H.Tr.S.;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**Hà Huy Hùng**

